

CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HƯNG PHÁT



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
cho “Nhà máy lau bóng gạo Hưng Phát”**

*Hòa An, tháng 11 năm 2024*

CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HƯNG PHÁT



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
cho “Nhà máy lau bóng gạo Hưng Phát”**



CHỦ CƠ SỞ  
*[Signature]*  
Nguyễn Minh Dũng

Hòa An, tháng 11 năm 2024

## MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	v
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....	vi
Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ .....	1
1. Tên chủ cơ sở .....	1
2. Tên cơ sở .....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở .....	3
3.1. Công suất của cơ sở.....	3
3.2. Quy trình hoạt động của cơ sở.....	3
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	5
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở .....	5
4.1. Nhu cầu về nguyên, vật liệu và hóa chất sử dụng trong hoạt động chuyên môn.....	5
4.2. Nhu cầu về nhiên liệu.....	5
4.3. Nhu cầu về điện, nước.....	6
4.4. Danh mục sử dụng hóa chất, chất xúc tác cho hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.....	6
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở .....	6
5.1. Các đối tượng xung quanh cơ sở .....	6
5.2. Nội dung thay đổi so với Thủ tục BVMT đã được phê duyệt .....	7
5.3. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	8
5.4. Danh mục máy móc, thiết bị, dụng cụ .....	9
Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	10
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	10
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	10

---

2.1. Đối với môi trường nước.....	11
2.2. Đối với môi trường không khí.....	11
2.3. Chất thải rắn.....	11
2.4. Tiếng ồn, độ rung.....	12
<b>Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>13</b>
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	13
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	13
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	14
1.3. Xử lý nước thải.....	15
2. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải.....	16
2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải.....	16
2.2. Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục.....	21
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.....	22
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....	22
3.2. Chất thải rắn sản xuất.....	22
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	23
5. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở.....	24
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố.....	24
<b>Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>27</b>
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	27
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	27
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	29
<b>Chương V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>31</b>
<b>Chương VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>32</b>
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	32
1.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.....	32
1.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.....	32
2. Chương trình quan trắc chất thải (liên tục, tự động và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	33

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường  
của “Nhà máy lau bóng gạo Hưng Phát”

---

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ .....	34
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	34
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.....	34
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm .....	35
CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	36
Chương VIII .....	37
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ .....	37
PHỤ LỤC BÁO CÁO .....	38

## DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

<i>Từ viết tắt</i>	<i>Giải nghĩa từ</i>
<i>BTCT</i>	<i>Bê tông cốt thép</i>
<i>BTNMT</i>	<i>Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>
<i>CTNH</i>	<i>Chất thải nguy hại</i>
<i>PCCC</i>	<i>Phòng cháy chữa cháy</i>
<i>PTNMT</i>	<i>Phòng Tài nguyên và Môi trường</i>
<i>QCVN</i>	<i>Quy chuẩn Việt Nam</i>
<i>QĐ</i>	<i>Quyết định</i>
<i>TNHH</i>	<i>Trách nhiệm hữu hạn</i>
<i>UBND</i>	<i>Ủy ban nhân dân</i>
<i>XN</i>	<i>Xác nhận</i>

**DANH MỤC CÁC BẢNG**

Bảng 1 - Tọa độ các các điểm giới hạn vị trí của cơ sở .....	1
Bảng 2 - Các hạng mục công trình của cơ sở.....	8
Bảng 3 - Danh sách máy móc, thiết bị, dụng cụ tại cơ sở.....	9
Bảng 4 - Hệ số ô nhiễm do đốt trấu .....	23
Bảng 5 - Tải lượng và nồng độ chất ô nhiễm khi chạy máy phát điện .....	24
Bảng 6 - Thông số kỹ thuật của thiết bị xử lý bụi, khí thải từ khu nhập lúa .....	25
Bảng 7 - Thông số kỹ thuật của thiết bị xử lý bụi, khí thải từ khu vực xát trắng, lau bóng .....	28
Bảng 8 - Giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải .....	36
Bảng 9 - Giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải 1, 2.....	37
Bảng 10 - Tiếng ồn.....	38
Bảng 11 - Độ rung.....	38

## DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1 - Sơ đồ giới hạn vị trí cơ sở.....	2
Hình 2 - Quy trình sát trắng lau bóng của cơ sở. <b>Error! Bookmark not defined.</b>	
Hình 3 - Sơ đồ quy trình thu gom và thoát nước mưa .....	14
Hình 4 - Sơ đồ thu gom và thoát nước thải sinh hoạt .....	14
Hình 5 - Cấu tạo hầm tự hoại 03 ngăn .....	15
Hình 6 - Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt.....	15
Hình 7 - Sơ đồ xử lý bụi và khí thải tại công đoạn xay xát và lau bóng.....	20



## Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

### 1. Tên chủ cơ sở:

- Chủ cơ sở: **Công ty TNHH Lương thực Hưng Phát.**

- Địa chỉ văn phòng: tổ 31, ấp Bình Quới, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (ông) Nguyễn Minh Dũng;  
Chức danh: Giám đốc.

- Điện thoại: 0947777795.

- Mã số thuế: 1602178585.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên với mã số doanh nghiệp 1602178585, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp cho Công ty TNHH Lương thực Hưng Phát.

### 2. Tên cơ sở:

- Tên cơ sở: “**Nhà máy lau bóng gạo Hưng Phát**”.

- Địa điểm cơ sở: tại tổ 31, ấp Bình Quới, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang với vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía trước giáp kênh Lấp Vò;

+ Phía sau tiếp giáp lộ liên xã;

+ Phía trái tiếp giáp đất trống và bãi chứa vật liệu Lê Thành Lợi;

+ Phía phải tiếp giáp kho Hiệp Lợi.

- Tọa độ các điểm giới hạn vị trí của cơ sở được thể hiện ở bảng sau:

**Bảng 1 - Tọa độ các các điểm giới hạn vị trí của cơ sở**

Tên điểm	Hệ tọa độ (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $104^{\circ}45'$ , múi chiếu $3^{\circ}$ )	
	X (m)	Y (m)
A	1145502	0582920
B	1145488	0582906
C	1145468	0582925

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường  
của “Nhà máy lau bóng gạo Hưng Phát”

Tên điểm	Hệ tọa độ (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$ , múi chiếu $3^{\circ}$ )	
	X (m)	Y (m)
D	1145479	0582940



**Hình 1 - Sơ đồ giới hạn vị trí cơ sở**

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cấp cho cơ sở bao gồm: Giấy xác nhận số 1133/XN-UBND ngày 30 tháng 06 năm 2015 của UBND huyện Chợ Mới về việc xác nhận đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản của “Công ty TNHH MTV Tấn Hiệp Lợi” cấp cho Công ty TNHH MTV Tấn Hiệp Lợi (loại hình hoạt động lau bóng gạo). Đến tháng 01/2024 Công ty TNHH MTV Tấn Hiệp Lợi chuyển nhượng nhà máy lại cho Công ty TNHH Lương thực Hưng Phát (đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

+ Nhà máy lau bóng gạo Hưng Phát có tổng mức đầu tư là **6.000.000.000** đồng (Sáu tỷ đồng) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 1602178585, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp; nên cơ sở thuộc nhóm C theo Luật Đầu tư công năm 2019.

**Chủ cơ sở:** Công ty TNHH Lương thực Hưng Phát

**Địa chỉ thực hiện cơ sở:** tổ 31, ấp Bình Quới, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang 2

+ Loại hình hoạt động của cơ sở là ngành công nghiệp (lau bóng gạo) nên không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (theo Phụ lục II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) và không có yếu tố nhạy cảm về môi trường (theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

+ Căn cứ khoản 2 điều 39; điểm c khoản 3, khoản 4 điều 41 và điểm d khoản 2 điều 42 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 thì: cơ sở thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường; cơ sở đã được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp xác nhận bản đề án bảo vệ môi trường đơn giản; cơ sở đã đi vào hoạt động và có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III do đó Công ty TNHH Lương thực Hưng Phát thực hiện hồ sơ Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của “Nhà máy lau bóng gạo Hưng Phát” theo mẫu phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ trình Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới thẩm định, cấp giấy phép.

### **3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:**

#### **3.1. Công suất của cơ sở**

- Công suất thiết kế: gồm 01 dây chuyền xát trắng - lau bóng gạo 03 tấn lúa/giờ; thời gian hoạt động 20 giờ/ngày và 150 ngày/năm tập trung theo mùa vụ nên lượng nguyên liệu là 60 tấn gạo lứt/ngày, tương đương 9.000 tấn gạo lứt/năm, tương đương **5.850 tấn thành phẩm (gạo trắng)/năm** (với tỷ lệ thu hồi thành phẩm là 65%).

- Quy mô diện tích cơ sở: tổng diện tích khu đất là 598,1 m<sup>2</sup>; Mục đích sử dụng đất là đất ở tại nông thôn.

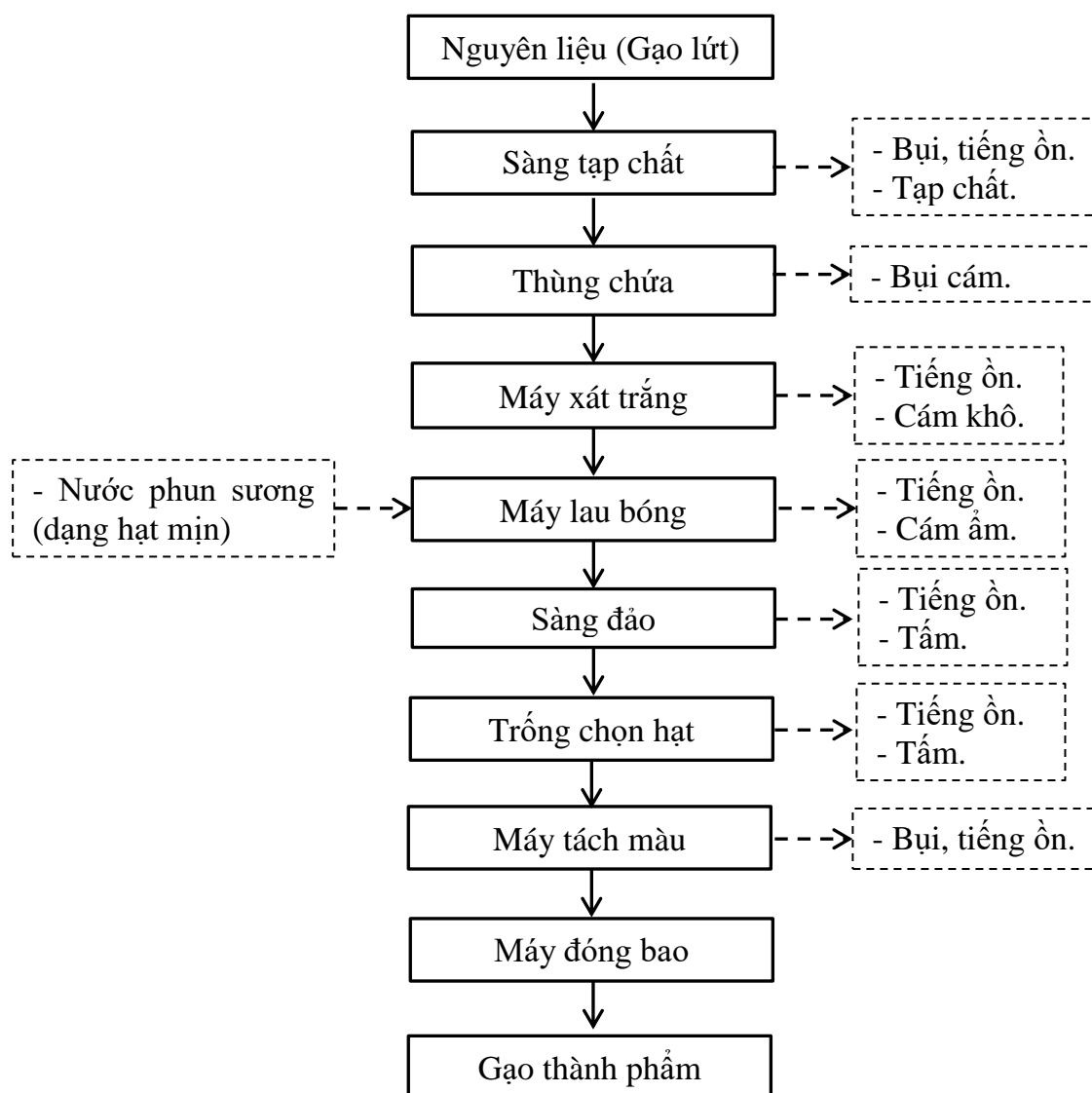
- Quy mô hệ thống lưu chứa:

+ Hệ thống chứa gạo: 06 silo chứa tổng 490 tấn gạo (02 silo khoảng 45 tấn gạo/silo và 04 silo khoảng 100 tấn gạo/silo).

+ Hệ thống chứa nguyên liệu gạo lứt: 02 silo chứa tổng 120 tấn (02 silo 60 tấn/silo)

- Nguồn nhân lực: 03 người làm việc liên tục và 07 người làm việc thời vụ.

#### **3.2. Quy trình hoạt động của cơ sở**



Hình 2 - Quy trình xát trắng - lau bóng gạo

**\* Quy trình xát trắng, lau bóng:**

Gạo lứt được mua từ địa phương hoặc các vùng lân cận thì được vận chuyển bằng ghe, sà lan đậu cặp bên sông. Sau đó gạo nguyên liệu được băng tải chuyển qua sàng tạp chất để loại bỏ các tạp chất và được lưu vào thùng chứa. Kế tiếp, gạo lứt được đưa vào máy xát trắng để tạo độ trắng của gạo theo yêu cầu sản xuất. Công đoạn xát trắng rất quan trọng và ảnh hưởng lớn đến độ trắng của hạt gạo, đồng thời tạo ra nhiều cám (*cám khô*) và ảnh hưởng đến tỷ lệ thu hồi sản phẩm. Gạo sau khi xát trắng được bổ đôi chuyển qua máy lau bóng (*máy đánh bóng*) để bóc tách lớp cám trên bề mặt hạt gạo và tạo độ bóng cho hạt gạo thành phẩm, giúp hạt gạo đẹp về mặt cảm quan của người tiêu dùng. Tại máy lau bóng, hạt gạo nhờ trục máy xoay đảo trộn, quá trình ma sát giữa các hạt gạo và giữa gạo với trục máy kết hợp với nước phun sương dạng mịn làm gạo trắng và

bóng ra, nhằm tạo độ bóng đẹp tăng cảm quan và không còn bề mặt cám trên hạt gạo; trong quá trình lau bóng có tạo ra lượng cám (*cám ẩm*). Sau khi qua máy lau bóng, hạt gạo được chuyển sang máy sàng đảo và trống chọn hạt để phân loại tạo ra các sản phẩm gạo thành phẩm (*gạo 5-15% tấm*) theo yêu cầu sản xuất. Sau cùng gạo được cho qua máy tách màu để phân loại và lựa chọn những hạt gạo chất lượng theo tiêu chuẩn. Sau đó gạo thành phẩm được đóng bao và lưu chứa trong các silo để bán cho khách hàng khi có yêu cầu.

Cám (*cám khô, cám ẩm*) được tách ra từ quy trình sản xuất xát-trắng nhờ vào các quạt hút thu gom và dẫn về Cyclone tách cám để thu hồi cám xuống phía dưới Cyclone và được thu gom vào bao chứa, lưu kho và định kỳ bán cho các cơ sở có nhu cầu để tái sử dụng, đồng thời giảm thiểu lượng bụi phát sinh. Lượng tấm được tách ra từ quy trình sản xuất được thu gom tập trung vào bao chứa và lưu kho, định kỳ bán cho các cơ sở có nhu cầu để tái sử dụng.

### 3.3. Sản phẩm của cơ sở:

- Sản phẩm của dây chuyền xát trắng-lau bóng gạo là gạo trắng.

STT	Thành phẩm	Xát trắng - lau bóng		
		Tỷ lệ (%)	Số lượng (Tấn/ngày)	Số lượng (Tấn/năm)
	<b>Nguyên liệu (gạo lứt)</b>	<b>100</b>	<b>60</b>	<b>9.000</b>
1	Gạo trắng thành phẩm	65	39	5.850
2	Tấm ½	6	3,6	540
3	Tấm ¾	4	2,4	360
4	Cám	20	12	1.800
5	Hao hụt	5	3	450

## 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

### 4.1. Nhu cầu về nguyên, vật liệu và hóa chất:

#### a. Về nguyên liệu:

- Nguyên liệu cho dây chuyền xát trắng - lau bóng gạo là gạo lứt. Lượng nguyên liệu cần thiết khoảng 9.000 tấn nguyên liệu/năm. Lượng gạo lứt được thu mua từ các thương lái khác để cung cấp cho dây chuyền xát trắng - lau bóng gạo.

#### b. Về vật liệu, hóa chất: không.

#### 4.2. Nhu cầu về nhiên liệu:

Cơ sở sử dụng dầu DO để vận hành máy phát điện khi hệ thống lưới điện quốc gia gặp sự cố. Hiện tại cơ sở trang bị 01 máy phát điện công suất 10 KVA với lượng dầu tiêu hao là 4,0 lít/giờ/máy. Giả sử 01 tháng cúp điện 01 ngày, thời gian sử dụng máy 8 giờ/ngày thì tổng lượng dầu tiêu hao khoảng 32 lít/ngày.

#### 4.3. Nhu cầu về điện, nước

*a. Nhu cầu sử dụng điện:* Nguồn điện sử dụng tại cơ sở được lấy từ mạng lưới điện quốc gia được đấu nối để cung cấp, đảm bảo cho các hoạt động của cơ sở như thắp sáng, chạy các thiết bị, máy móc,... với nhu cầu sử dụng giao động khoảng 50.000 - 100.000 kWh/tháng tùy theo thời vụ (*Nguồn: Chủ cơ sở, 2024*).

*b. Nhu cầu sử dụng nước:* Sử dụng nguồn nước từ Xí nghiệp cấp nước khu vực đảm bảo phục vụ cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt hàng ngày của nhân viên làm việc tại cơ sở.

- *Nhu cầu sử dụng nước thải sinh hoạt:* Theo QCVN 01:2021/BXD, tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt của khu vực nội thị đô thị phụ thuộc vào loại đô thị nhưng tối thiểu là 80 lít/người/ngày đêm. Cơ sở nằm trong khu vực xã Hoà An thuộc vùng nông thôn, chọn tiêu chuẩn cấp nước 80 lít/người/ngày đêm. Vậy, nhu cầu sử dụng nước được ước tính như sau:

+ 03 người làm việc liên tục x 80 lít/người/ngày đêm = 240 lít/ngày đêm = 0,24 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ 07 người làm việc theo thời vụ (không sinh hoạt tại nhà máy) x 80 lít/người/ngày đêm x 50% = 280 lít/ngày đêm = 0,28 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

=> Tổng nước phục vụ cho sinh hoạt là 0,52 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- *Nhu cầu sử dụng nước cho công đoạn lau bóng gạo:* Nhu cầu sử dụng nước phục vụ công đoạn lau bóng gạo ước tính khoảng 380 lít/ngày.đêm = 0,38 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Như vậy, tổng lượng nước cấp cho cơ sở là **0,9 m<sup>3</sup>/ngày đêm**.

#### 4.4. Danh mục sử dụng hóa chất, chất xúc tác cho hệ thống xử lý nước thải của cơ sở:

Không có.

#### 5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

##### 5.1. Các đối tượng xung quanh cơ sở:

\* **Đối tượng tự nhiên xung quanh khu vực Cơ sở:**

Cơ sở có các mối tương quan với các đối tượng tự nhiên như sau:

+ Đường giao thông

Cách cơ sở tiếp giáp với đường liên xã Hòa An - thị trấn Hội An.

+ Hệ thống kênh, rạch:

Cơ sở tiếp giáp kênh Lấp Vò, là tuyến đường giao thông thủy phục vụ cho hoạt động của cơ sở; cách sông Hậu khoảng 3,5km theo hướng Tây Nam. Ngoài ra, xung quanh cơ sở có các kênh, rạch nhỏ.

**\* Đối tượng kinh tế, xã hội xung quanh khu vực Cơ sở:**

- Khu dân cư, khu đô thị

+ Cơ sở nằm trong khu vực đông dân cư sinh sống.

- Các đối tượng sản xuất kinh doanh, dịch vụ

+ Cơ sở tiếp giáp kho Hiệp Lợi;

+ Cơ sở cách Nhà máy xay xát của Công ty TNHH Toàn Phước khoảng 120m; Cơ sở cách Nhà máy xay xát của Công ty TNHH Lê Thành Lợi khoảng 500m.

+ Cơ sở cách UBND xã Hòa An khoảng 3.500m.

**\* Các đối tượng xung quanh khác:**

- Trong phạm vi 1,0 km xung quanh cơ sở không có khu vực ưu tiên bảo vệ như khu bảo tồn sinh thái, khu dự trữ sinh quyển, khu di tích lịch sử.

## **5.2. Nội dung thay đổi so với Đề án bảo vệ môi trường đơn giản đã được xác nhận**

Nhà máy lau bóng gạo Hưng Phát đã được UBND huyện Chợ Mới cấp Giấy xác nhận đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản số 1133/XN-UBND ngày 30 tháng 06 năm 2015. Đến thời điểm xin cấp giấy phép, cơ sở có điều chỉnh, thay đổi một số hạng mục công trình, cụ thể được trình bày như sau:

STT	Hạng mục	KHBVMT đã được phê duyệt	Nội dung thay đổi
1	Kho lưu chứa chất thải nguy hại	Không có	Có bố trí với diện tích 04 m <sup>2</sup> (Bố trí 02 thùng có nắp đậy, dung tích 60 lít, có dán nhãn chất thải nguy hại).

(Nguồn: Chủ cơ sở, năm 2024)

### 5.3. Các hạng mục công trình của cơ sở

Tổng diện tích hoạt động của cơ sở là 598,1 m<sup>2</sup>, với các hạng mục công trình như sau:

**Bảng 2 - Các hạng mục công trình của cơ sở**

STT	Tên hạng mục công trình	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Kết cấu
1	Văn phòng làm việc	20	- Công trình cấp IV, dạng trệt. - Khung, cột bằng BTCT, tường xây gạch, mái lợp tole. - Nền lát gạch.
2	Khu chứa gạo	200	- Công trình cấp IV, dạng trệt. - Khung, cột bằng thép, vách, mái tole. - Nền xi măng.
3	Dây chuyền xát trắng và lau bóng	200	- Công trình cấp IV, dạng trệt. - Khung, cột bằng thép, vách, mái tole. - Nền xi măng.
4	Khu chứa nguyên liệu (gạo lứt)	50	- Công trình cấp IV, dạng trệt. - Khung, cột bằng thép, vách, mái tole. - Nền xi măng.
5	Khu chứa cám	50	- Công trình cấp IV, dạng trệt. - Khung, cột bằng thép, vách, mái tole. - Nền xi măng.
6	Nhà vệ sinh	09	- Công trình cấp IV, dạng trệt. - Nền xi măng.
7	Kho chất thải nguy hại	04	- Công trình cấp IV, dạng trệt. - Khung, cột bằng thép, vách tole. - Nền xi măng.
8	Lối đi nội bộ	65,1	Nền tráng xi măng
<b>Tổng</b>		<b>598,1</b>	

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2024)



### 5.3. Danh mục máy móc, thiết bị, dụng cụ

Danh sách máy móc thiết, thiết bị, dụng cụ phục vụ cho quá trình sản xuất của cơ sở được trình bày trong bảng sau:

**Bảng 3 - Danh sách máy móc, thiết bị, dụng cụ tại cơ sở**

STT	Hạng mục thiết bị	Xuất xứ	Số lượng	ĐVT	Ghi chú
1	Vít tải	Việt Nam	01	Hệ thống	87%
2	Băng tải nhập hàng	Việt Nam	01	Hệ thống	88%
3	Băng tải xuống gạo thành phẩm	Việt Nam	01	Hệ thống	87%
4	Cối xát trắng	Lamico	03	Cây	90%
5	Cối lau bóng	Bùi Văn Ngọ, Mecofood, Sinco.	04	Cây	90%
6	Bồ đãi	Bùi Văn Ngọ	10	Cái	87%
7	Máy tách màu	Việt Nam	01	Bộ	90%
8	Hệ thống cân điện tử	Việt Nam	01	Hệ thống	90%
9	Silo chứa gạo ( 04 silo 100 tấn/silo và 02 silo 45 tấn/silo)	Việt Nam	06	Cái	87%
10	Silo chứa gạo lứt (60 tấn/silo)	Việt Nam	02	Cái	87%
11	Cyclon xử lý bụi	Việt Nam	02	Cái	87%
12	Motor 30Hp	Việt Nam	08	Cái	87%
13	Trạm biến áp 630 KVA	Việt Nam	02	Trạm	90%

(Nguồn: Chủ cơ sở, năm 2024)

## Chương II

### SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

#### 1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở hoàn toàn phù hợp với các quy hoạch phát triển trên địa bàn huyện Chợ Mới nói riêng và tỉnh An Giang nói chung như:

- Cơ sở thực hiện trên thửa đất số 52 tờ bản đồ số 41 đều thuộc quyền sở hữu của chủ cơ sở với mục đích sử dụng là đất ở nông thôn; địa chỉ thuộc tổ 31, ấp Bình Quới, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên vị trí hoạt động của cơ sở là phù hợp (*đính kèm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phía sau phần phụ lục của báo cáo*).

- Phù hợp với phù hợp với Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08 ngày 7 năm 2024 của Thủ Tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 80/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang Ban hành quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang. Đồng thời, cơ sở cũng không thuộc các đối tượng được quy định tại Phụ lục 1 – Danh mục cơ sở bắt buộc bố trí vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2021 UBND tỉnh An Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 80/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh nên việc lựa chọn vị trí thực hiện cơ sở là phù hợp với quy định hiện hành.

- Phù hợp với Quy hoạch theo Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt “Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Chợ Mới đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

#### 2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Cơ sở hoàn toàn phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường. Các chất thải phát sinh (nước thải, khí thải, chất thải rắn thải, tiếng ồn) được áp dụng các biện pháp xử lý, giảm thiểu theo đúng quy định, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường, cụ thể như sau:

## **2.1. Đối với môi trường nước**

### **2.1.1. Nước thải sinh hoạt**

Nước thải sinh hoạt của công, nhân viên và thương lái được thu gom ống nhựa PVC đường kính 90 mm và xử lý bằng 01 hầm tự hoại 03 ngăn (mỗi hầm tự hoại có thể tích thể tích  $V = 9,000m^3$ , kích thước dài x rộng x cao = 2,0m x 3,0m x 1,5m, kết cấu BTCT). Nước thải sinh hoạt sau xử lý bằng hầm tự hoại 03 ngăn sẽ được xử lý tăng cường bằng hố ga lắng trước khi thoát ra môi trường.

### **2.1.2. Nước thải sản xuất**

Không phát sinh.

## **2.2. Đối với môi trường không khí**

### **2.2.1. Bụi từ khu vực xát trắng và lau bóng, máy tách màu**

Lượng bụi phát sinh sẽ được thu gom và xử lý bằng hệ thống cyclone kiểu lọc bụi khô. Sau xử lý hàm lượng bụi sẽ đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thoát ra môi trường.

### **2.2.2. Khí thải từ các phương tiện giao thông**

Để giảm thiểu nồng độ bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông đến mức thấp nhất, chủ cơ sở đã thực hiện thêm một số biện pháp như sau:

- Sử dụng nhiên liệu đạt tiêu chuẩn cho các phương tiện vận chuyển.
- Bê tông hóa lối đi nội bộ.

- Bố trí nhân viên thường xuyên vệ sinh sân bãi, nhằm giảm lượng bụi phát sinh do các phương tiện vận chuyển tác động.

## **2.3. Chất thải rắn**

### **2.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt**

Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và theo hướng dẫn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt gồm: (1) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; (2) Chất thải thực phẩm; (3) Chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Đối với chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế như giấy, lon nhôm, chai nhựa,... sẽ được thu gom về 02 thùng chứa loại 25 lít. Sau đó bán lại cho các xe thu mua hoặc đem đến cơ sở thu mua phế liệu tại địa phương, định kỳ 1 tuần/lần.

- Đối với chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác sẽ được thu gom chung vào 02 thùng chứa loại 25 lít. Sau đó được xe thu gom rác địa phương đến thu gom, xử lý theo quy định, tần suất 1 lần/ngày

### **2.3.2. Chất thải sản xuất**

- Cám: Thu gom vào silo chứa với diện tích 50m<sup>2</sup>, nền láng xi măng, có mái che. Định kỳ bán cho các cơ sở có nhu cầu sử dụng khoảng 01 tuần/lần.

- Dây buộc, bao bì hỏng: Được thu gom cho vào bao và chứa khu vực trống, có mái che. Bán phế liệu. Định kỳ: 01 tuần/lần.

- Tạp chất (đất, sạn,...): Thu gom vào bao chứa, để khu vực trống và hợp đồng với đơn vị đủ chức năng đến thu gom, xử lý.

### **2.3.3. Chất thải nguy hại**

Chủ cơ sở trang bị 02 thùng chứa 60 lít, có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại đặt tại kho chứa CTNH, diện tích 4,0m<sup>2</sup>, vách xi măng, đảm bảo kín tránh mưa gió, không bị ngập úng, nền tráng xi măng, không thấm thấu, phía trước cửa ra vào có dán biển báo chất thải nguy hại. Khi số lượng đủ lớn sẽ hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại định kỳ đúng quy định theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **2.4. Tiếng ồn, độ rung**

Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung như sau:

- Bảo dưỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng quy trình của nhà sản xuất.
- Kiểm tra định kỳ các thông số kỹ thuật về mức độ ồn trong xưởng sản xuất nhằm đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.
- Sử dụng đệm cao su chống rung cho chân các thiết bị, máy móc.
- Giữ gìn, bảo dưỡng máy móc, thiết bị luôn ở trạng thái tốt.
- Kiểm tra kỹ độ cân bằng khi lắp đặt; kiểm tra, bảo trì định kỳ; thường xuyên bôi trơn và thay thế, sửa chữa các thiết bị hư hỏng hoặc có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, ổn định.
- Bố trí thời gian nghỉ ngơi cho công nhân theo đúng quy định.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

**Kết luận:** Các chất thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở sau khi được thu gom, xử lý sẽ ảnh hưởng không đáng kể đến khả năng chịu tải của môi trường.

### Chương III

## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

#### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa từ các mái nhà của khu vực văn phòng, nhà xưởng, khu vực sân bãi đường giao thông nội bộ được lớt bằng bê tông được thu gom bằng hệ thống thu gom thoát nước mưa. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được tách biệt với hệ thống thu gom thoát nước thải. Không cho nước mưa chảy tràn qua khu vực chứa chất thải sinh hoạt, chứa dầu mỡ và các chất bẩn khác. Thường xuyên nạo vét thông dòng chảy để nước mưa có thể tiêu thoát một cách triệt để không gây ứ đọng.

Nước mưa từ các khu vực của Nhà máy được thu gom theo các tuyến thu gom, thoát nước mưa riêng. Nước mưa chảy tràn thường có độ đục cao, hàm lượng SS lớn và có thể chứa nhiều chất ô nhiễm độc hại như dầu mỡ,... Theo kết quả thống kê của WHO (1993) cho thấy rằng thành phần nước mưa chảy tràn qua khu vực xây dựng công trình chủ yếu là các chất lơ lửng với hàm lượng từ 500 – 5.000 mg/l.

Lượng nước mưa được tính như sau:

$$Q = q \times a \times S \text{ (m}^3\text{/ngày)}$$

q: Lưu lượng mưa trung bình hàng ngày của tháng có lượng mưa lớn nhất năm 2023 (*Tham khảo lượng mưa trong 3 năm gần nhất, năm 2021 - 2022 - 2023*).

$$q = 305,2/30 = 10,17 \text{ mm/ngày.}$$

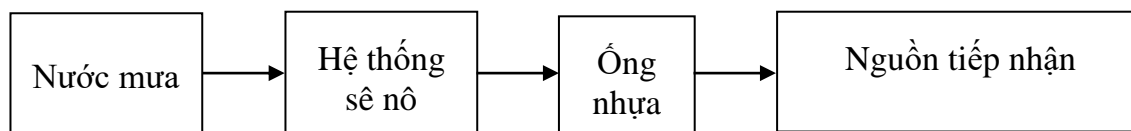
a : Hệ số thực nghiệm đặc trưng cho tính chất của mặt phủ. Trong trường hợp khu vực cơ sở đã được bê tông (hoặc nhựa), vì vậy chọn  $a = 0,92$ .

$$S: \text{Diện tích đất, } S = 598,1 \text{ m}^2.$$

$$\text{Vậy } Q = 0,01017 * 0,92 * 598,1 = 5,60 \text{ m}^3\text{/ngày (Làm tròn)}$$

Lưu lượng nước mưa lớn nhất qua mặt bằng nhà máy là  $5,60 \text{ m}^3\text{/ngày}$ .

Sơ đồ hệ thống thu gom và thoát nước mưa được trình bày cụ thể như sau:



**Hình 4 - Sơ đồ quy trình thu gom và thoát nước mưa**

Cơ sở đầu tư xây dựng hệ thống sê nô thu gom nước mưa từ mái công trình dẫn theo ống nhựa đường kính 140mm xuống đất và thoát ra nguồn tiếp nhận thông qua 02 cửa xả cụ thể như sau:

+ Cửa xả 1: thoát ra kênh Lấp Vò tại tổ 31, ấp Bình Quới, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang với toạ độ X=1145470; Y=582933 (Hệ toạ độ VN-2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3°).

+ Cửa xả 2: thoát ra kênh Lấp Vò tại tổ 31, ấp Bình Quới, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang với toạ độ X=1145480; Y=582933 (Hệ toạ độ VN-2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3°).

**Bảng. Thông số kỹ thuật hệ thống thoát nước mưa**

STT	Thông số	Số lượng	Đơn vị
1	Ống nhựa đường kính 140mm	14	mét
2	Cửa xả	2	Cửa

## 1.2. Thu gom, thoát nước thải:

### 1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

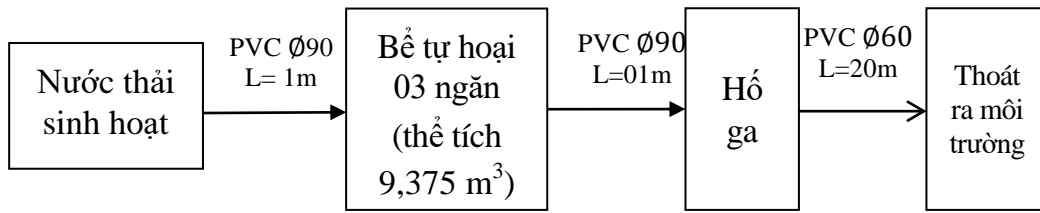
Nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở sẽ được thu gom bằng ống nhựa PVC Ø90, chiều dài 1,0m và xử lý bằng 01 hầm tự hoại 03 ngăn (mỗi hầm tự hoại có thể tích thể tích  $V = 9,000m^3$ , kích thước dài x rộng x cao = 2,0m x 3,0m x 1,5m, kết cấu BTCT). Nước thải sinh hoạt sau xử lý sẽ theo đường ống nhựa PVC Ø90, chiều dài 01m thoát ra hố ga để xử lý tăng cường sau cùng thoát ra kênh Lấp Vò bằng ống nhựa PVC Ø60, chiều dài 20m.

Thông số kỹ thuật:

- Ống thu gom nước thải sinh hoạt của hầm tự hoại: Ống nhựa PVC Ø90, chiều dài 1,0m.

- Ống thoát nước thải từ hầm tự hoại ra hố ga: Ống nhựa PVC Ø90, chiều dài 01m.

Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải được trình bày cụ thể như sau:



**Hình 5 - Sơ đồ thu gom và thoát nước thải sinh hoạt**

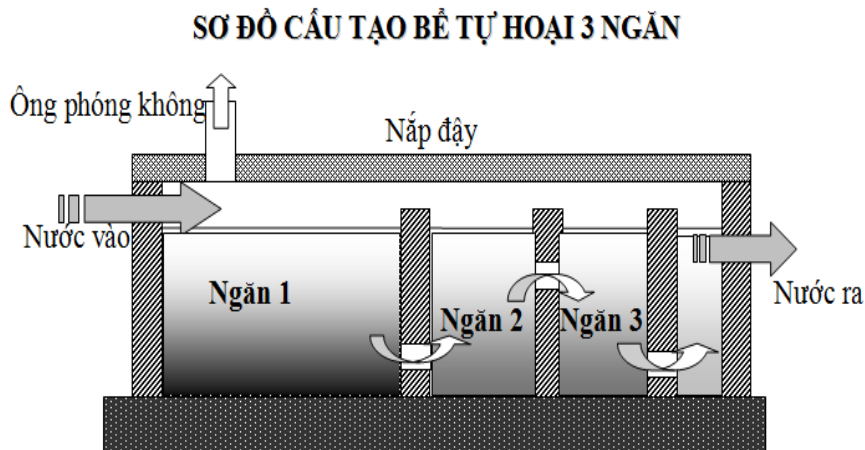
**1.2.2. Nước thải sản xuất:** trong quá trình hoạt động cơ sở không phát sinh nước thải sản xuất.

### 1.3. Xử lý nước thải:

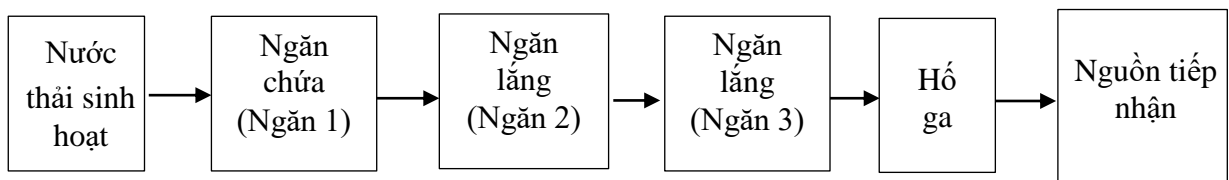
#### 1.3.1. Công trình xử lý nước thải:

##### a. Nước thải sinh hoạt:

Công nghệ xử lý: Xử lý bằng phương pháp sinh học.



**Hình 6 - Cấu tạo hầm tự hoại 03 ngăn**



**Hình 7 – Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt**

#### *Thuyết minh quy trình:*

Hầm tự hoại là công trình xử lý nước thải sơ bộ, đồng thời thực hiện 02 chức năng: lắng nước thải và lên men cặn.

Trong quá trình chuyển động, các hạt cặn sẽ chịu tác dụng của trọng lực, lắng dần xuống đáy hầm. Chất hữu cơ trong cặn lắng sẽ bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật yếm khí. Nhờ vậy, cặn sẽ lên men, mất mùi hôi và giảm thể tích. Tốc độ lên men nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải, lượng vi sinh vật có trong lớp cặn,... Nhiệt độ càng cao tốc độ lên men cặn càng nhanh, kết quả của quá trình lên men cặn sẽ xử lý được cặn tươi, các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy thành các chất đơn giản gồm H<sub>2</sub>O, CO<sub>2</sub>, CH<sub>4</sub>,... Độ ẩm cặn tươi vào hầm và cặn khi lên men tương ứng là 95% và 90%. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý bằng hầm tự hoại 03 ngăn qua hố ga theo đường ống thoát ra nguồn tiếp nhận.

Ưu điểm: Cấu tạo đơn giản và có hiệu quả xử lý tương đối cao nên được sử dụng rất phổ biến. Kết quả ứng dụng vào thực tế cho thấy, hiệu quả xử lý các chất hữu cơ và các chất rắn lơ lửng đạt giá trị cao và ổn định, mặc dù có sự dao động về lưu lượng và nồng độ nước thải giữa các thời điểm trong ngày: Hiệu quả xử lý hầm tự hoại: Chất rắn lơ lửng đạt 87 – 88% và BOD<sub>5</sub> đạt 63 – 77%, xử lý nitơ đạt 66% (Nguồn: PGS.TS Hoàng Văn Huệ, Thoát nước tập 2, Kỹ thuật xử lý nước thải). Thường xuyên kiểm tra và hút bùn bể tự hoại (12 tháng/lần) để tăng hiệu quả xử lý của hầm tự hoại.

Số lượng hầm tự hoại 03 ngăn là 01 hầm, mỗi hầm tự hoại có thể tích 9,000 m<sup>3</sup> (kích thước 2,05m x 3,0m x 1,5m). Kết cấu hầm tự hoại: BTCT, đan nắp đá 1x2, M200, mặt ngoài và trong của bể đều được trát vữa M150, dày 15mm.

Công nghệ không sử dụng hóa chất, chế phẩm sinh học cũng như không tiêu hao về điện năng.

**b. Nước thải sản xuất:** không.

### **1.3.2. Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải liên tục, tự động**

Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải liên tục, tự động nên không có các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải liên tục, tự động.

## **2. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải:**

### **2.1. Nguồn gây tác động đến môi trường không khí:**

Nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí ở thời điểm hiện tại chủ yếu phát sinh từ:

- Bụi phát sinh trong quá trình sản xuất: xát trắng - lau bóng gạo, máy tách màu.
- Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển.
- Bụi, khí thải từ máy phát điện.

➤ **Đối với quy trình chế biến gạo trắng (xay và xát trắng lau bóng):**



Nguồn phát sinh nguồn ô nhiễm không khí chủ yếu của quá trình xay xát - bóc vỏ là:

➤ **Công đoạn xát trắng - lau bóng:**

Nguồn gây ô nhiễm không khí trong quá trình xát trắng - lau bóng ít hơn nhiều so với quá trình bóc vỏ lúa vì lau bóng là khâu cuối cùng để tạo ra gạo thành phẩm. Hầu hết lượng bụi đã phát sinh trong các công đoạn trước đó, trong quá trình xát trắng – lau bóng bụi chỉ phát sinh chủ yếu ở giai đoạn xát trắng để tách cám nhưng lượng bụi phát sinh không nhiều, đó chính là bụi cám mịn mức độ độc hại không cao nhưng nếu công nhân hít nhiều cũng ảnh hưởng không tốt cho sức khỏe.

Bụi phát sinh từ dây chuyền sản xuất (trong Nhà máy) được tính là phần hao hụt trong quá trình sản xuất của dây chuyền công nghệ chiếm 2% tổng lượng nguyên liệu đầu vào.

Lượng hao hụt là 2% gồm rơi vãi gạo, tấm, cám, tạp chất và bụi tại các điểm tiếp giáp giữa các băng tải và điểm lưu chứa vào các silo và vỏ bao thành phẩm. Lượng bụi phát sinh sẽ phát tán vào môi trường không khí chiếm khoảng 10% lượng hao hụt.

➤ **Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển, phương tiện đi lại của cán bộ công nhân viên làm việc tại Nhà máy:**

Các phương tiện vận chuyển nguyên liệu, gạo thành phẩm và các phương tiện giao thông của nhân viên trong Nhà máy và khách hàng cũng sẽ phát sinh bụi và khí thải do chúng sử dụng nhiên liệu là xăng hoặc dầu.

Tuy nhiên, lượng khí thải này phát sinh vào thời điểm nhất định trong ngày, thường vào thời điểm tan ca của công nhân là đáng kể nhất. Còn đối với khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên liệu, thành phẩm thì không đáng kể do tại khu vực cơ sở các động cơ ngừng hoạt động nên lượng khí thải ảnh hưởng không nhiều.

➤ **Khí thải từ máy phát điện dự phòng:**

Để đảm bảo cho hoạt động của dự án không bị ảnh hưởng bởi các sự cố mất điện, cơ sở trang bị 01 máy phát điện công suất 10 KVA với lượng dầu tiêu hao là 4,0 lít/giờ/máy. Giả sử 01 tháng cúp điện 01 ngày, thời gian sử dụng máy 8 giờ/ngày thì tổng lượng dầu tiêu hao khoảng 32 lít/ngày. Khối lượng riêng của dầu DO từ 0,82 - 0,86 kg/lít (Chọn 0,84 kg/lít). Vì vậy nhu cầu tiêu thụ dầu tính theo khối lượng là 3,36 kg/giờ. Ước tính khi tiêu thụ 01 lít dầu DO máy phát điện cho ra một lượng khí thải là 38m<sup>3</sup>. Vậy lượng khí thải của máy phát điện thải ra trong 1 giờ là 127,68 m<sup>3</sup>/giờ.

Để tính toán nồng độ ô nhiễm do máy phát điện gây ra chúng tôi tham khảo thông tin từ bảng dưới đây:

**Bảng 4. Hệ số ô nhiễm do đốt dầu**

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn dầu)
1	Bụi	1,6
2	SO <sub>2</sub>	7,26*S
3	NO <sub>x</sub>	18,2
4	CO	7,3

(Nguồn: WHO, tái bản năm 2013)

**Ghi chú:**

S (lưu huỳnh) = 0,05%

Tải lượng ô nhiễm của khí SO<sub>2</sub>:

$SO_2 = (3,36 * 7,26 * 0,05) / 1.000 \text{ kg dầu DO} = 0,00121 \text{ kg/giờ}$ .

Nồng độ ô nhiễm của máy phát điện:

$SO_2 = (0,00121 \text{ kg/giờ}) / (127,68 \text{ m}^3/\text{giờ}) = 0,154 \text{ mg/m}^3$ .

Tính tương tự ta có bảng sau:

**Bảng 5. Tải lượng và nồng độ chất ô nhiễm khi chạy máy phát điện**

STT	Chất ô nhiễm	Tải lượng ô nhiễm (kg/giờ)	Nồng độ ô nhiễm (mg/m <sup>3</sup> )	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)
1	Bụi	0,29	41,86	200
2	SO <sub>2</sub>	0,00121	0,154	500
3	NO <sub>x</sub>	3,32	479,31	850
4	CO	1,33	192,01	1.000

Qua kết quả tính toán tải lượng và nồng độ chất ô nhiễm đối với quá trình vận hành máy phát điện dự phòng cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm như: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B). Ngoài ra, máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng trong giai đoạn hoạt động của dự án khi mạng lưới điện gặp sự cố tạm thời và không vận hành thường xuyên nên mức độ ảnh hưởng từ máy phát điện dự phòng đến môi trường không khí là không đáng kể.

**2.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải:**

**2.2.1. Bụi từ dây chuyền xát trắng lau bóng:**

Nhà máy đã xây dựng hệ thống lọc bụi bằng 02 cyclone để thu hồi tất cả lượng bụi mịn, trong đó 01 cyclone được đặt trong kho chứa cám và 01 cyclon đặt gần máy tách màu.

Lắp đặt hệ thống thu gom, lắng bụi kín gồm:

- + 02 quạt hút ly tâm (công suất mỗi quạt 20Hp, lưu lượng 20.000m<sup>3</sup>/giờ).
- + Đường ống dẫn khí (nhiệt): Kết cấu bằng tole, đường kính 120 mm và dài khoảng từ 10 - 50 m.
- + Hệ thống mỗi Cyclone: có kết cấu bằng thép, đường kính từ 01m và chiều cao tổng cộng từ 04 m.
- + Công dụng: thu bụi; dưới tác dụng của trọng lực bụi sẽ lắng xuống đáy cyclone và sau đó cho vào bao chứa và lưu giữ tại khu vực kho chứa.

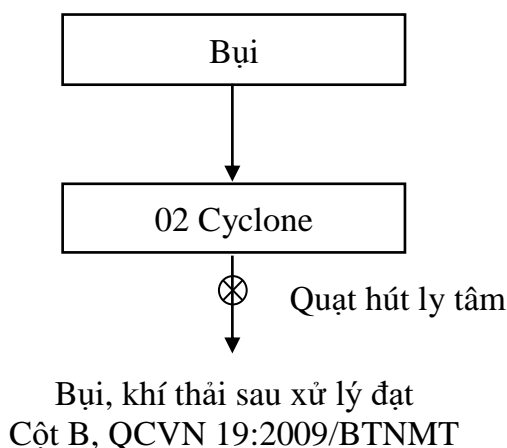
Các cyclone này được đặt trong khu nhà xưởng có vách tole bao che xung quanh ngăn ngừa phát bụi ra môi trường. Chất lượng khí sạch sau khi qua hệ thống lọc bụi đạt Cột B QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi thải ra môi trường bên ngoài qua 01 đường thoát khí D=200mm.

Các thông số cơ bản của thiết bị xử lý bụi, khí thải từ khu vực bóc vỏ, xát trắng, lau bóng gạo:

**Bảng 7. Thông số kỹ thuật của thiết bị xử lý bụi, khí thải từ khu vực xát trắng, lau bóng**

Khu vực	Thiết bị	Thông số thiết bị
Khu vực xát trắng, lau bóng	Cyclone thu bụi	- Tổng số lượng: 02 cái - Vật liệu: sắt không gỉ - Lưu lượng: 500 - 1.500m <sup>3</sup> /giờ - Đường kính: 1m - Chiều cao: 4m
	Quạt hút ly tâm	- Tổng số lượng: 02 cái - Công suất: 20Hp - Lưu lượng: 20.000m <sup>3</sup> /giờ

*Quy trình vận hành công trình xử lý bụi và khí thải bằng Cyclone*

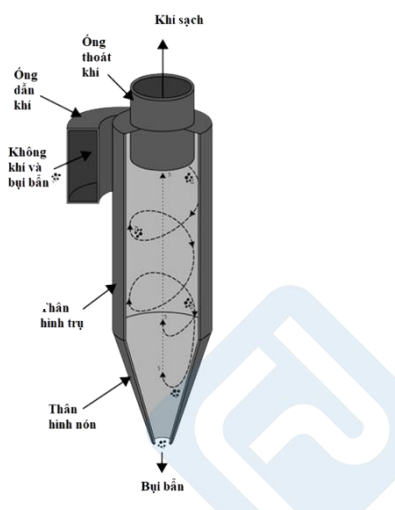


### Hình 9. Sơ đồ xử lý bụi tại công đoạn xát lau bóng

#### Thuyết minh quy trình:

Bụi phát sinh từ quá trình xát trắng lau bóng của cơ sở; cơ sở sử dụng 02 cyclone để thu bụi thông qua đường ống kết nối giữa cyclone và vị trí bụi phát sinh, dưới lực hút của quạt hút bụi sẽ dẫn về cyclone. Bụi được dẫn vào cyclone tại đây dựa trên lực ly tâm khi dòng khí chuyển động xoay trong thân thiết bị theo phương tiếp tuyến. Dưới tác dụng của lực ly tâm các hạt bụi bị văng về phía thành cyclone và tách khỏi dòng khí. Khí tiếp tục chuyển hướng  $180^\circ$  và đi ra khỏi cyclone qua ống thu khí đặt theo trục đứng của cyclone. Các hạt bụi sau khi đến thành cyclone chuyển động về phía ống thu bụi và bụi được lấy ra ngoài. Lượng bụi phát sinh đảm sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B).

\* Nguyên lý hoạt động của cyclon như sau:



Cyclone là dạng thiết bị thu hồi bụi phổ biến nhất hiện nay nguyên lý hoạt động của cyclone dựa trên lực ly tâm khi dòng khí chuyển động xoay trong thân thiết bị theo phương tiếp tuyến. Dưới tác dụng của lực ly tâm các hạt bụi bị văng về phía thành cyclone và tách khỏi dòng khí. Khí sạch tiếp tục chuyển hướng  $180^\circ$  và đi ra khỏi cyclone qua ống thu khí đặt theo trục của cyclone. Các hạt bụi sau khi đến thành cyclone chuyển động về phía ống thu bụi và được thu vô bao định kỳ chuyển đến kho chứa. Dòng khí sau cyclone tiếp tục được hút qua thiết bị lọc bụi túi vải để thu hồi bụi có kích thước nhỏ.

#### 2.1.3. Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác:

##### a. Các biện pháp hạn chế bụi khác:

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trực tiếp như khẩu trang, găng tay, quần áo,...;

- Các bộ phận được lắp ghép bằng mối nối thành hệ thống kín tránh sự phát tán bụi cám vào không khí;

- Kiểm tra độ kín bụi của các trang thiết bị như gàu tải liệu (*Bồ đãi*), máy xát trắng, máy tách màu, cyclon thu bụi... định kỳ 1 lần/tuần để tránh phát tán bụi ra môi trường bên ngoài;

- Nhà xưởng được thiết kế cao ráo thông thoáng, tạo điều kiện thông gió tự nhiên.

- Chủ cơ sở phân công công nhân quét dọn nền nhà, mạng nhện, bụi bám vẩy bám trong nhà máy, lúc nhà máy không hoạt động phân công công nhân quét và lau sạch bụi bám trên các máy móc thiết bị để hạn chế bụi làm ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân (*Mỗi tháng quét dọn 1 hoặc 2 lần, tùy theo mùa vụ và thời gian hoạt động của nhà máy*). Nền nhà thì ngày nào cũng quét dọn thu gom cám, tằm,... và dọn không để rác rơi vãi trong Nhà máy.

#### **b. Giảm thiểu khí thải máy phát điện:**

Nhà máy chỉ sử dụng máy phát điện dự phòng khi gặp sự cố trên lưới điện. Để đảm bảo tính an toàn cho môi trường, chủ cơ sở sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp ( $S=0,05\%$ ).

Ngoài ra chủ cơ sở sẽ bố trí máy phát điện cách xa khu vực sản xuất và khu vực tập trung đông người, đồng thời bố trí ống khói cao để giảm thiểu nguồn ô nhiễm phát tán vào không khí.

#### **c. Giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển:**

Khí thải từ các phương tiện vận chuyển có chứa bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO và khí hydrocacbon, chì,... Để hạn chế ô nhiễm môi trường không khí, các phương tiện giao thông không được chở quá tải trọng quy định.

- Thường xuyên kiểm tra và sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ hệ thống máy móc để chúng luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

- Các máy móc phải được sử dụng nhiên liệu đúng tiêu chuẩn quy định.

#### **d. Bụi từ khâu vận chuyển nguyên liệu và thành phẩm:**

Bụi phát sinh chủ yếu là do ghe, tàu không được phủ bạt cẩn thận và do bụi từ đường giao thông bộ. Để hạn chế tác nhân này chủ cơ sở sẽ yêu cầu nhân viên

vận chuyển nguyên liệu phải được vô bao, may kín miệng bao, sắp xếp lên phương tiện vận chuyển gọn gàng và được phủ bạt kín để giảm bụi và bảo vệ nguyên liệu khỏi mưa, gió.

Ghe chở hàng hóa được vệ sinh khô bằng chổi và giẻ lau định kỳ 1 lần/tuần; khu vực đường đi trước nhà máy sẽ được tưới nước vào những ngày nắng để hạn chế bụi phát sinh do các phương tiện giao thông bộ gây ra.

### **2.3. Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc khí thải liên tục, tự động nên không có các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải liên tục, tự động.

## **3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:**

### **3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:**

**Nguồn phát sinh:** Chủ yếu phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của nhân viên làm việc tại cơ sở.

**Thành phần:** Bao bì, túi nylon, giấy, vỏ trái cây, thực phẩm dư thừa,...

**Thải lượng:** Phát sinh thực tế khoảng 2,5 kg/ngày (*Nguồn: Chủ cơ sở, năm 2024*).

#### **Công trình lưu giữ và biện pháp xử lý:**

Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và theo hướng dẫn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt gồm: (1) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; (2) Chất thải thực phẩm; (3) Chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Đối với chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế như giấy, lon nhôm, chai nhựa,... sẽ được thu gom về 02 thùng chứa loại 25 lít. Sau đó bán lại cho các xe thu mua hoặc đem đến cơ sở thu mua phế liệu tại địa phương, định kỳ 1 tuần/lần.

- Đối với chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác sẽ được thu gom chung vào 02 thùng chứa loại 25 lít. Sau đó được xe thu gom rác địa phương đến thu gom, xử lý theo quy định, tần suất 1 lần/ngày.

### **3.2. Chất thải rắn sản xuất**

**Thành phần:** cám, dây buộc, bao bì hỏng, tạp chất phát sinh từ các sàng tạp chất của các dây chuyền sản xuất như đất, sạn,...

**Thải lượng:**

- + Cám phát sinh khoảng 12 tấn/ngày, tương đương khoảng 1.800 tấn/năm.
- + Dây buộc, bao bì hỏng phát sinh khoảng 2,5 kg/ngày, tương đương khoảng 75 kg/tháng.
- + Tạp chất (đất, sạn,...) phát sinh khoảng 60 kg/tháng, tương đương khoảng 9.000 kg/năm.

**Công trình lưu giữ và biện pháp xử lý:**

- Cám: Thu gom vào bao chứa, để khu vực với diện tích 50m<sup>2</sup>, nền láng xi măng, có mái che. Định kỳ bán cho các cơ sở có nhu cầu sử dụng khoảng 01 tuần/lần.
- Dây buộc, bao bì hỏng: Được thu gom cho vào bao và chứa khu vực có mái che. Bán phế liệu. Định kỳ: 01 tuần/lần.
- Tạp chất (Rơm rạ, đất, sạn,...): Thu gom vào bao chứa, để khu vực trống và hợp đồng với đơn vị đủ chức năng đến thu gom, xử lý theo quy định.

**4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại**

**Nguồn phát sinh:** Từ quá trình thấp sáng cho hoạt động sản xuất, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc,...

**Thành phần:** Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang thải, que hàn....

**Thải lượng:** Phát sinh khoảng 8,5 kg/năm. Trong đó các chất thải nguy hại phát sinh bao gồm:

- Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại (mã CTNH: 18 02 01) phát sinh khoảng 5,0 kg/năm.
- Bóng đèn huỳnh quang thải (mã CTNH: 16 01 06) phát sinh khoảng 0,5 kg/năm.
- Que hàn (mã CTNH: 07 04 01) phát sinh khoảng 3,0 kg/năm.

**Công trình lưu giữ và biện pháp xử lý:** Chủ cơ sở trang bị 02 thùng chứa 60 lít, có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại đặt tại kho chứa CTNH, diện tích 4,0m<sup>2</sup>, mái tole, vách xi măng, đảm bảo kín tránh mưa gió, không bị ngập úng, nền tráng xi măng, không thấm thấu, phía trước cửa ra vào có dán biển báo chất thải nguy hại. Khi số lượng đủ lớn sẽ hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại định kỳ đúng quy định theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tối thiểu 1 lần/năm.

## **5. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở**

**Nguồn phát sinh:** Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ vận hành máy móc thiết bị trong dây chuyền hoạt động của cơ sở: dây chuyền xát trắng - lau bóng vận hành bằng chuyền thành phẩm,... và từ phương tiện giao thông của nhân viên trong cơ sở.

### ***Biện pháp giảm thiểu:***

- Bảo dưỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng quy trình của nhà sản xuất.
- Kiểm tra định kỳ các thông số kỹ thuật về mức độ ồn trong xưởng sản xuất nhằm đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.
- Sử dụng đệm cao su chống rung cho chân các thiết bị, máy móc.
- Giữ gìn, bảo dưỡng máy móc, thiết bị luôn ở trạng thái tốt.
- Kiểm tra kỹ độ cân bằng khi lắp đặt; kiểm tra, bảo trì định kỳ; thường xuyên bôi trơn và thay thế, sửa chữa các thiết bị hư hỏng hoặc có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, ổn định.
- Bố trí thời gian nghỉ ngơi cho công nhân theo đúng quy định.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

## **6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố**

### **6.1. Sự cố cháy nổ**

Bố trí máy móc, thiết bị, gọn gàng tạo khoảng cách an toàn cho đối các khu vực dễ nổ.

Hệ thống dẫn điện, cầu dao điện phải được bố trí an toàn hợp lý và đúng quy định.

Trang bị bình chữa cháy cầm tay và bố trí ở những vị trí dễ phát sinh cháy nổ, kịp thời ứng phó khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

Tuân thủ nghiêm chỉnh hướng dẫn, nội quy, quy định về PCCC trong suốt quá trình hoạt động.

Cấm hút thuốc, sử dụng lửa gần các khu vực dễ xảy ra cháy nổ như khu vực chứa nguyên, vật liệu, trấu,...

Chủ cơ sở và nhân công lao động thường xuyên tham gia các lớp huấn luyện về PCCC, để ứng phó kịp thời khi xảy ra sự cố.



Vận hành máy móc, thiết bị đúng kỹ thuật, tránh sử dụng quá tải. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

## **6.2. Tai nạn lao động**

Lập nội quy lao động, bố trí và phân công trách nhiệm đối với mỗi người lao động, đảm bảo công việc phù hợp với tay nghề và kinh nghiệm làm việc. Công nhân hoặc cán bộ vận hành máy được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố.

Thường xuyên nhắc nhở công nhân viên có ý thức tự bảo vệ mình trong quá trình làm việc. Thực hiện các thao tác đúng kỹ thuật, cẩn thận

Công nhân làm việc được trang bị bảo hộ lao động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được phân công

Trang bị bảo hộ lao động như khẩu trang chuyên dụng, nón bảo hộ,... cho người lao động.

Nghiêm cấm người lao động làm việc khi trong người đang có chất kích thích như sử dụng rượu, bia,...

Thực hiện trách nhiệm đối với người lao động thông qua bảo hiểm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ và các chế độ khác theo Luật lao động hiện hành

Trang bị tủ thuốc tại chỗ để đáp ứng kịp thời khi xảy ra sự cố.

## **6.3. Sự cố sạt lở bờ sông**

Xây dựng bờ kè BTCT vững chắc cho toàn bộ hoạt động ra vào dọc theo khu vực cơ sở. Thường xuyên kiểm tra, duy tu, gia cố các vị trí bị hỏng hóc.

Phối hợp, điều hành các phương tiện thủy ra vào kho nhíp nhàng, tránh các va chạm mạnh gây nứt vỡ dễ dẫn đến sập, sạt lở bờ kè ảnh hưởng đến chức năng bảo vệ đường bờ có thể gây sạt lở bờ sông.

Trong phạm vi bảo vệ kè, cơ sở yêu cầu không thực hiện các hành vi sau đây: Để vật liệu, phương tiện, thiết bị gây sạt lở kè; Neo, buộc phương tiện; Sử dụng chất nổ, khai thác khoáng sản hoặc có hành vi khác gây ảnh hưởng đến kè.

## **6.4. Sự cố tai nạn giao thông và sự cố khi vận chuyển, lên xuống hàng**

Xây dựng điểm tập kết, neo đậu phương tiện thủy hợp lý, không gây ảnh hưởng đến phạm vi luồng tàu chạy và đảm bảo độ an toàn về hành lang bảo vệ sông.

Sắp xếp, bố trí phương tiện ra vào hợp lý, tránh tập trung nhiều loại phương tiện cùng lúc, không có chỗ neo đậu, lấn chiếm khu vực luồng tàu chạy ảnh hưởng đến sự qua lại của các loại phương tiện thủy khác.

Nhắc nhở các tàu, ghe tuyệt đối tuân thủ luật an toàn giao thông đường thủy theo quy định.

## Chương IV

### NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

#### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải phát sinh từ hoạt động của công nhân.

- Lưu lượng xả thải tối đa: 0,52 m<sup>3</sup>/ngày.

- Dòng nước thải: số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép: 01 dòng (là dòng nước thải sinh hoạt sau xử lý xả vào nguồn tiếp nhận đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT).

- Các chất ô nhiễm và giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Căn cứ vào mục 2.1 và mục 2.3 QCVN 14:2008/BTNMT, cơ sở sản xuất có quy mô dưới 500 người thì  $C_{max} = C \times K$  ( $K=1,2$ ). Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải cụ thể như sau:

**Bảng 8. Giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải**

STT	Các thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng áp dụng	Không thuộc đối tượng áp dụng
2.	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	60		
3.	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	600		
4.	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	36		
5.	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1,2		
6.	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	36		
7.	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	7,2		
8.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12		

STT	Các thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
9.	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
10.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6		
11.	Tổng Coliforms	Vi khuẩn /100ml	3.000		

- Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả thải: Tại tổ 31, ấp Bình Quới, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang có toạ độ X=1145474; Y=582927 (Toạ độ theo hệ VN2000 kinh tuyến trục 104°45', múi chiều 3°).

+ Phương thức xả thải: Tự chảy sau xử lý.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh Lấp Vò.

## 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ dây chuyền xát trắng - lau bóng.

+ Nguồn số 2: Khí thải phát sinh từ máy tách màu.

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 1.500m<sup>3</sup>/h

- Dòng khí thải: 02 dòng.

Dòng khí thải sau khi qua hệ thống xử lý khí thải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, sau đó thoát qua ra nguồn tiếp nhận.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B; Kp = 1; Kv = 1) cụ thể như sau:

**Bảng 9. Giới hạn cho phép các chất ô nhiễm theo dòng khí thải số 1**

STT	Các thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	Không thuộc đối tượng áp dụng	Không thuộc đối tượng áp dụng
2.	Bụi	-	200		
3.	CO	mg/l	1000		
4.	NO <sub>x</sub>	mg/l	850		
5.	SO <sub>2</sub>	mg/l	500		

- Vị trí xả thải 1: tại tổ 31, ấp Bình Quới, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang có toạ độ: X=1145496; Y=582919 (Tọa độ theo hệ VN2000 kinh tuyến trục 104°45', múi chiếu 3°).

- Vị trí xả thải 2: tại tổ 31, ấp Bình Quới, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang có toạ độ: X=11454916; Y=582907 (Tọa độ theo hệ VN2000 kinh tuyến trục 104°45', múi chiếu 3°).

- Phương thức xả khí thải: Thoát khí tự nhiên.

- Chế độ xả thải: xả thải liên tục theo ca sản xuất.

### 3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 1: Máy móc thiết bị của dây chuyền xát lau bóng.

+ Nguồn số 2: Máy phát điện dự phòng

- Vị trí phát sinh tiếng ồn:

+ Nguồn số 1: tổ 31, ấp Bình Quới, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang với toạ độ (theo hệ VN2000 kinh tuyến trục 104°45', múi chiếu 3°) X=1145489; Y=582926.

+ Nguồn số 2: tổ 31, ấp Bình Quới, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang với toạ độ (theo hệ VN2000 kinh tuyến trục 104°45', múi chiếu 3°) X=1145489; Y=582926.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

**Yêu cầu:** Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**Bảng 10. Tiếng ồn**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**Bảng 11. Độ rung**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**4. Nội dung đề nghị cấp giấy phép của cơ sở đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại:**

Cơ sở không thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, nên báo cáo này không có đề nghị cấp giấy phép.

**5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất:**

Cơ sở không nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài, nên báo cáo này không có đề nghị cấp giấy phép.

## **Chương V**

### **KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

**1. Kết quả quan trắc môi trường đối với nước thải**

Không có.

**2. Kết quả quan trắc môi trường đối với bụi, khí thải**

Không có.

## Chương VI

### CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

#### 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

##### 1.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ thì hệ thống xử lý nước thải thuộc dạng hộp kín đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý luôn đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B trước khi thải ra mương công cộng. Do đó, Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý môi trường đối với nước thải.

##### 1.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải

###### a. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Cơ sở phải thực thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải, Cơ sở dự kiến vận hành thử nghiệm như sau:

Stt	Công trình xử lý	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
1	Hệ thống cyclon xử lý bụi	Tháng 01/2025	Tháng 02/2025	100%

###### b. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

**Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý**

Dự án thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (không thuộc Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ). Do đó, chủ cơ sở đề xuất quan trắc chất thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo quy định, đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý khí thải.



Công trình xử lý chất thải	Giai đoạn vận hành thử nghiệm	Thời gian dự kiến lấy mẫu
Hệ thống cyclon xử lý bụi	Giai đoạn vận hành ổn định	- Khí thải đầu ra: Tại đầu ra của Hệ thống cyclon xử lý bụi: + Lần 1: Ngày 01 tháng 02 năm 2025. + Lần 2: Ngày 02 tháng 02 năm 2025. + Lần 3: Ngày 03 tháng 02 năm 2025.

**Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải**

Do hệ thống xử lý thiết kế đồng bộ và là hệ thống khép kín nên không thể thu mẫu theo từng công đoạn xử lý khí thải.

- Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý bụi.
- Thông số quan trắc: Bụi tổng, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub> (tính theo NO<sub>2</sub>) và lưu lượng thải.
- Tần suất thu mẫu: 03 mẫu đơn khí thải (sau xử lý) trong 03 ngày liên tiếp.
- Tổng số lượng mẫu: 06 mẫu.
- Quy chuẩn so sánh: Cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

*Ghi chú: Mẫu khí thải đầu ra phải thu liên tục 3 ngày liên tiếp, 01 ngày/lần. Trường hợp bất khả kháng không lấy mẫu và phân tích liên tiếp được, thì phải thực hiện sang ngày tiếp theo.*

**Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.**

Trong thời gian vận hành thử nghiệm, Cơ sở sẽ kết hợp với đơn vị có đủ chức năng quan trắc môi trường theo kế hoạch đã đề ra.

Thông tin đơn vị dự kiến sẽ thực hiện.

- Công Ty CP Xây Dựng và Môi Trường Đại Phú.
- + Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường VIMCERTS 292.
- + Địa chỉ: 156 Vườn Lài, Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Cần Thơ

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường VIMCERTS 019.

+ Địa chỉ: Số 45, đường 3/2, Quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ.

- Công Ty TNHH Khoa học Công nghệ và Phân tích Môi trường Phương Nam.

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường VIMCERTS 039.

+ Địa chỉ: 1358/21/5G đường Quang Trung, Phường 14, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị dự kiến phối hợp thực hiện sẽ tùy vào từng thời điểm thực tế khi tiến hành vận hành thử nghiệm, chủ cơ sở liên hệ với các đơn vị trên thực hiện quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo kế hoạch đề xuất trong báo cáo.

## **2. Chương trình quan trắc chất thải (liên tục, tự động và định kỳ) theo quy định của pháp luật**

### **2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ**

Cơ sở không thuộc loại hình phải thực hiện quan trắc chất thải định kỳ (theo khoản 2 điều 111 và khoản 2 điều 112 Luật bảo vệ môi trường năm 2020).

### **2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải**

Cơ sở không thuộc loại hình phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất thải (theo khoản 1, điều 111 và khoản 1 điều 112 Luật bảo vệ môi trường năm 2020).

### **2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở**

Giám sát chất thải rắn sinh hoạt: Chủ cơ sở thu gom, thống kê thành phần, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, xử lý với tần suất thu gom, xử lý 01 lần/ngày. Chủ cơ sở sẽ báo cáo về các cơ quan quản lý nhà nước thông qua Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ 1 lần/năm theo đúng quy định.

Giám sát chất thải rắn sản xuất: Chủ cơ sở thu gom, thống kê thành phần, khối lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh và hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, xử lý với tần suất thu gom, xử lý. Chủ cơ sở sẽ báo cáo về các cơ quan quản lý nhà nước thông qua Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ 1 lần/năm theo đúng quy định.

Giám sát chất thải nguy hại: Chủ cơ sở sẽ thu gom, phân loại, lưu trữ chất thải nguy hại phát sinh theo quy định và hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thống kê thành phần, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh với tần suất thu gom, xử lý 01 lần/năm. Chủ cơ sở sẽ báo cáo về các cơ quan quản lý nhà nước thông qua Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ 1 lần/năm theo đúng quy định.

### **3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm**

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hằng năm (đối với chất thải rắn) dự kiến là 6.000.000 đồng/năm.

**CHƯƠNG VII**  
**KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA**  
**VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Trong năm 2022, 2023 đoàn kiểm tra liên ngành huyện trong lĩnh vực bảo vệ môi trường kiểm tra và nhắc nhở cơ sở tiếp tục thực hiện đúng đầy đủ nội dung trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận. Trong quá trình hoạt động, cơ sở luôn thực hiện tốt các công tác bảo vệ môi trường nhằm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh khu vực.

## **Chương VIII**

### **CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Công ty cam kết các nội dung, thông tin nêu trên và giấy tờ kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu thông tin báo cáo thiếu trung thực.

Công ty cam kết xả thải đúng theo giấy phép môi trường được cấp và thực hiện các công tác bảo vệ môi trường như trong giấy phép môi trường đã nêu. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

Công ty cam kết thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu đối với nước thải sinh hoạt trước khi ra nguồn tiếp nhận.

- Công ty cam kết đảm bảo thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu đối với môi trường nước thải sinh hoạt đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Công ty cam kết đảm bảo thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu đối với môi trường khí thải đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và môi trường không khí đảm bảo đạt QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; tiếng ồn đảm bảo đạt QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Công ty cam kết bố trí nhân sự quản lý, lưu trữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại đúng quy định theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định.

Định kỳ báo cáo về cơ quan phê duyệt Giấy phép môi trường thông qua Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tần suất 1 lần/năm.

Công ty cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các biện pháp giảm thiểu phòng cháy chữa cháy, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, ... trong quá trình hoạt động của cơ sở.

Công ty trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương để xử lý kịp thời các nguồn ô nhiễm khi xảy ra sự cố. Công ty cam kết khắc phục, đền bù thiệt hại khi để xảy ra các sự cố do quá trình hoạt động của cơ sở gây ra.

## PHỤ LỤC BÁO CÁO

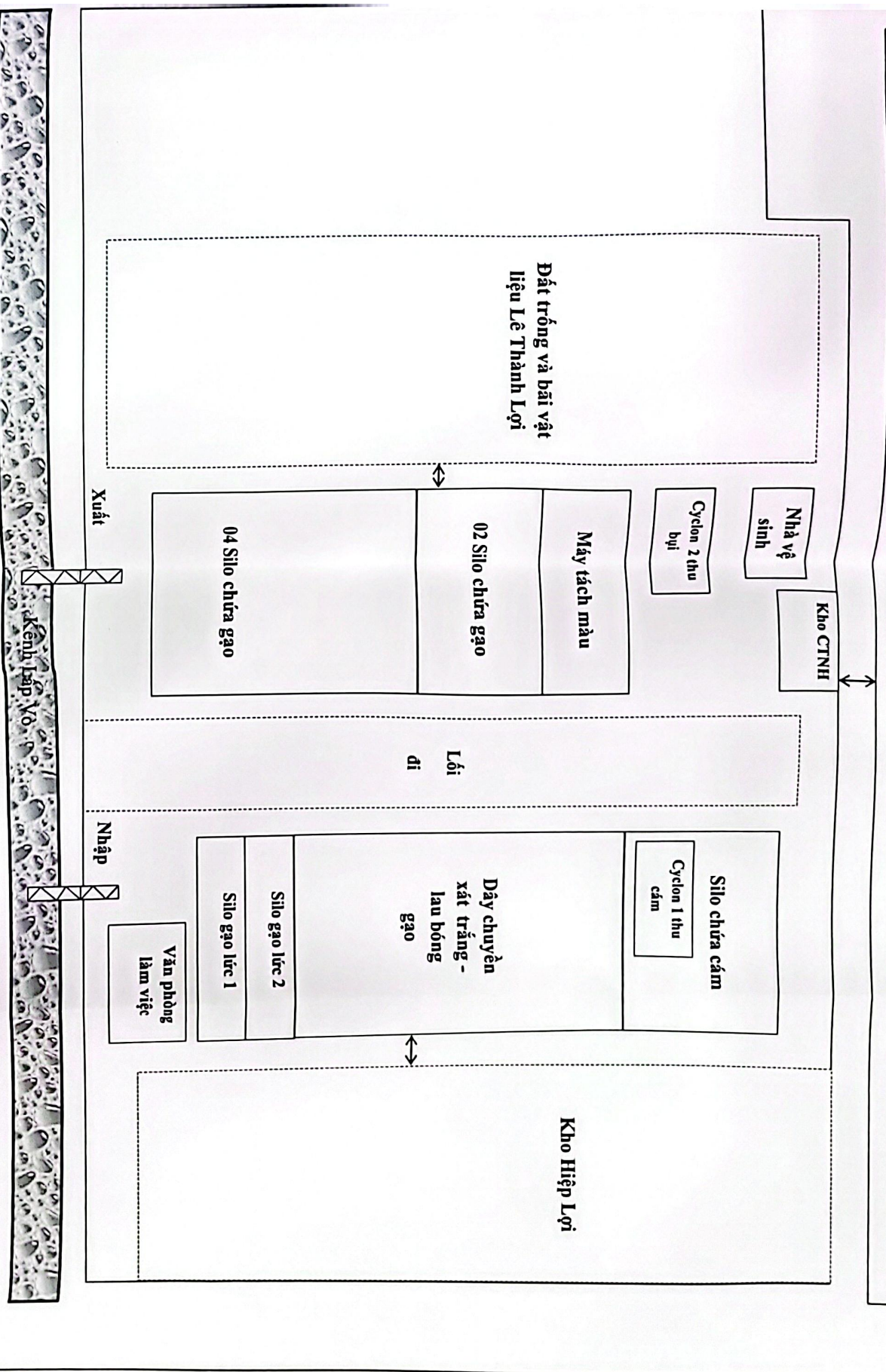
1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
3. Giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường.
4. Bản vẽ mặt bằng tổng thể.

---

## PHỤ LỤC

---

Lộ liên xã Hòa An - Hội An



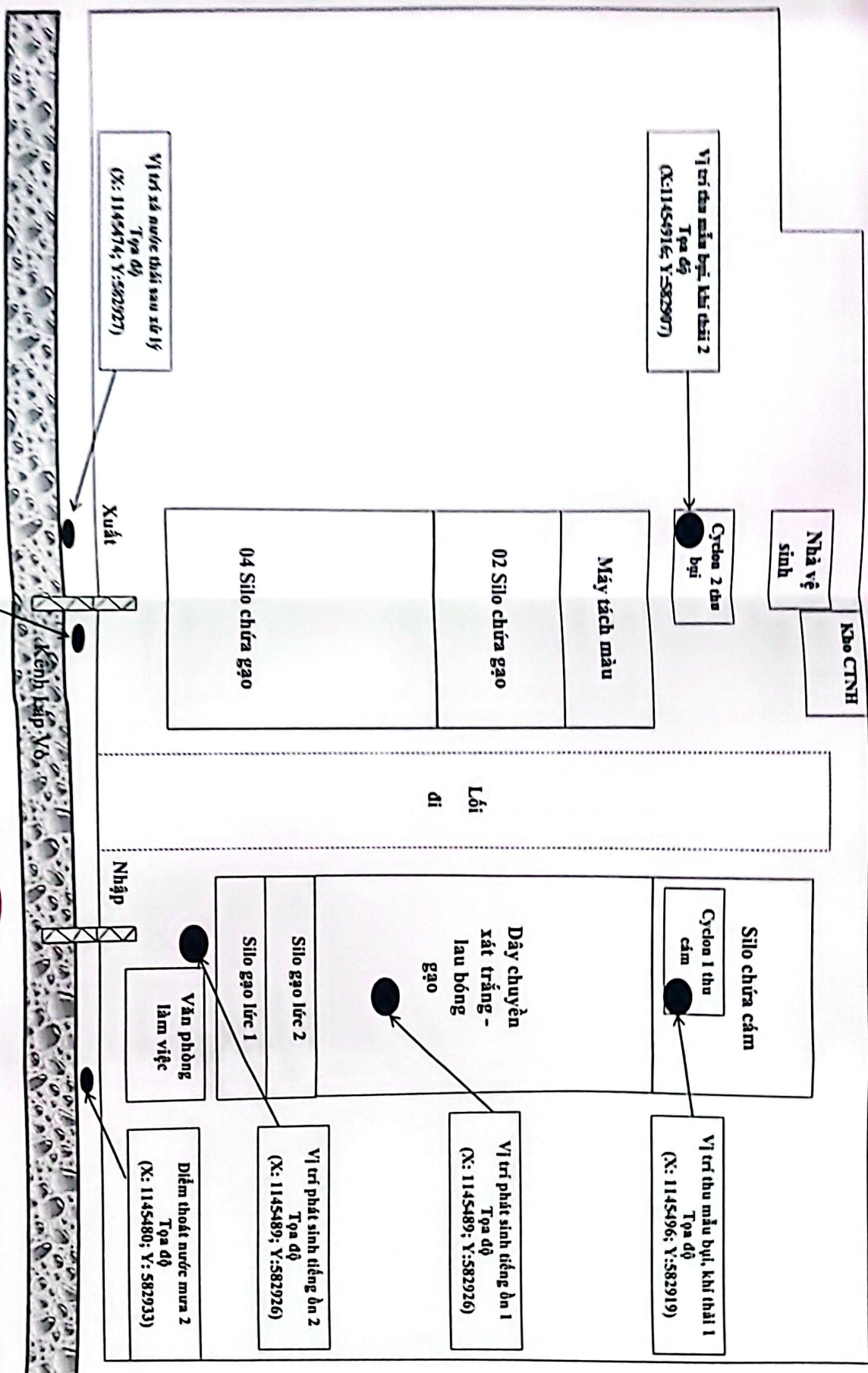
SƠ ĐỒ TỔNG THỂ MẶT BẰNG CƠ SỞ

**THỦ CƠ SỞ**  
CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỨC HÙNG PHÁT  
Nguyễn Minh Dũng

Tên cơ sở: "Nhà máy lau bóng gạo Hưng Phát"  
Địa điểm xây dựng: Tổ 31, ấp Bình Quới, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang



# SƠ ĐỒ THU MẪU GIÁM SÁT



Vị trí thu mẫu bụi, khí thải 2  
Tọa độ  
(X: 11454916; Y: 5829907)

Cyclon 2 thu bụi

Nhà vệ sinh

Kho CTNH

Máy tách màu  
02 Silo chứa gạo  
04 Silo chứa gạo

Vị trí xả nước thải sau xử lý  
Tọa độ  
(X: 1145474; Y: 5829207)

Xuất

Điểm thoát nước mưa 1  
Tọa độ  
(X: 1145470; Y: 582933)

Kênh Lấp Vò

Silo chứa cám  
Cyclon 1 thu cám  
Dây chuyền xát trắng - lau bóng gạo  
Silo gạo lúc 2  
Silo gạo lúc 1  
Văn phòng làm việc

Nhập

Vị trí thu mẫu bụi, khí thải 1  
Tọa độ  
(X: 1145496; Y: 582919)

Vị trí phát sinh tiếng ồn 1  
Tọa độ  
(X: 1145489; Y: 582926)

Vị trí phát sinh tiếng ồn 2  
Tọa độ  
(X: 1145489; Y: 582926)

Điểm thoát nước mưa 2  
Tọa độ  
(X: 1145480; Y: 582933)

CHỖ CƠ SỞ  
CÔNG TY TNHH LƯƠNG PHÁT HƯNG PHÁT  
QU. T. AN GIANG  
Nguyễn Minh Dũng

Tên cơ sở: "Nhà máy lau bóng gạo Hưng Phát"  
Địa điểm xây dựng: Tổ 31, ấp Bình Quới, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ  
ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƠN GIẢN  
của Công ty TNHH MTV Tấn Hiệp Lợi**

Căn cứ Luật số 44/2003/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 1/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 Quy định về thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết, lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Công văn số 695/UBND-TH ngày 14/5/2015 của UBND tỉnh An Giang về việc tạm thời giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Môi trường trên địa bàn tỉnh.

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường đơn giản của Công ty TNHH MTV Tấn Hiệp Lợi theo văn bản ngày 11 tháng 6 năm 2015 do bà Dương Kim Bích - Phó Giám đốc Công ty làm đại diện.

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI  
XÁC NHẬN:**

**Điều 1.** Bản đề án bảo vệ môi trường đơn giản của Công ty TNHH MTV Tấn Hiệp Lợi (với loại hình kinh doanh lau bóng gạo) do bà Dương Kim Bích làm đại diện được đăng ký tại UBND huyện Chợ Mới. Địa điểm thực hiện tại ấp Bình Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**Điều 2.** Công ty TNHH MTV Tấn Hiệp Lợi có trách nhiệm:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường đề ra trong đề án; đảm bảo các chất thải và các vấn đề môi trường khác được quản lý, xử lý theo yêu cầu theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.2. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.3. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, tiếng ồn và độ rung phát sinh từ quá trình hoạt động. Không để bụi, tiếng ồn và độ rung vượt tiêu chuẩn, quy chuẩn cho phép làm ảnh hưởng đến khu vực xung quanh cơ sở.

2.4. Trang bị đầy đủ các thiết bị lưu giữ chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động. Thu gom, quản lý, xử lý toàn bộ chất thải rắn phát sinh theo đúng quy định về xử lý chất thải rắn.

2.5. Các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động phải được thu gom, quản lý, xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xử lý chất thải nguy hại.

2.6. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng chống sự cố môi trường, sự cố cháy nổ, sạt lở và các sự cố khác theo đúng quy định.

2.7. Thực hiện chương trình giám sát chất lượng môi trường định kỳ theo đúng tần suất, vị trí, thông số giám sát. Các chỉ tiêu so sánh phải theo các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn hiện hành. Kết quả giám sát môi trường phải được cập nhật và báo cáo cho phòng Tài nguyên và Môi trường Chợ Mới để kiểm tra, theo dõi.

2.8. Phải di dời đến địa điểm khác khi có chủ trương, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2.9. Phải báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung trong bản đề án bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện khi có sự chấp nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới.

**Điều 3.** Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH MTV Tấn Hiệp Lợi;
- UBND xã Hòa An;
- Lưu: VT, TNMT.

Kí. **CHỦ TỊCH**  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Trần Thị Yến Châu*

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 1602178585

Đăng ký lần đầu, ngày 21 tháng 01 năm 2024

**Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HÙNG PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG PHAT FOOD COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HUNGPHAT FOOD CO.,LTD

**Địa chỉ trụ sở chính**

11, Ấp Bình Quốc, Xã Hòa An, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Số điện thoại: 0947.777.795

Fax:

Website:


Website:

Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng

Đơn vị: Sáu tỷ đồng

**Danh sách thành viên góp vốn**

T	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đến với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đến với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
	NGUYỄN MINH DŨNG	Việt Nam	Số 9B1 Hẻm Vương, Khóm Đồng Thành 2, Phường Mỹ Phước, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam	2.040.000.000	34,000	089089013 162	

NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	Việt Nam	Số Đôn Thị trấn 2, Xã Hố Nai, Huyện Chợ Lách, Tỉnh An Giảng, Việt Nam	080 000 000	11.000	
NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	Việt Nam	Số Đôn Thị trấn 2, Xã Hố Nai, Huyện Chợ Lách, Tỉnh An Giang, Việt Nam	080 000 000	11.000	087087023 200

gười đại diện theo pháp luật của công ty  
họ và tên: NGUYỄN MINH DŨNG

Giới tính: Nam

chức vụ: Giám đốc

ngày: 20/05/2022

Đời sống: Công

Quốc tịch: Việt Nam

giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

giấy tờ pháp lý của cá nhân: 089089003162

ngày: 30/05/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH

địa phương trú: Số 9B1 Hùng Vương, Khóm Đông Thịnh 2, Phường Mỹ Phước,  
thị trấn Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

địa liên lạc: Số 9B1 Hùng Vương, Khóm Đông Thịnh 2, Phường Mỹ Phước, Thành  
lũy Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

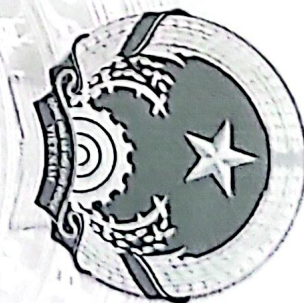


Nguyễn Minh Đức

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



## GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: Nguyễn Văn Phấp

Năm sinh: 1987, CCCD số: 087087023240

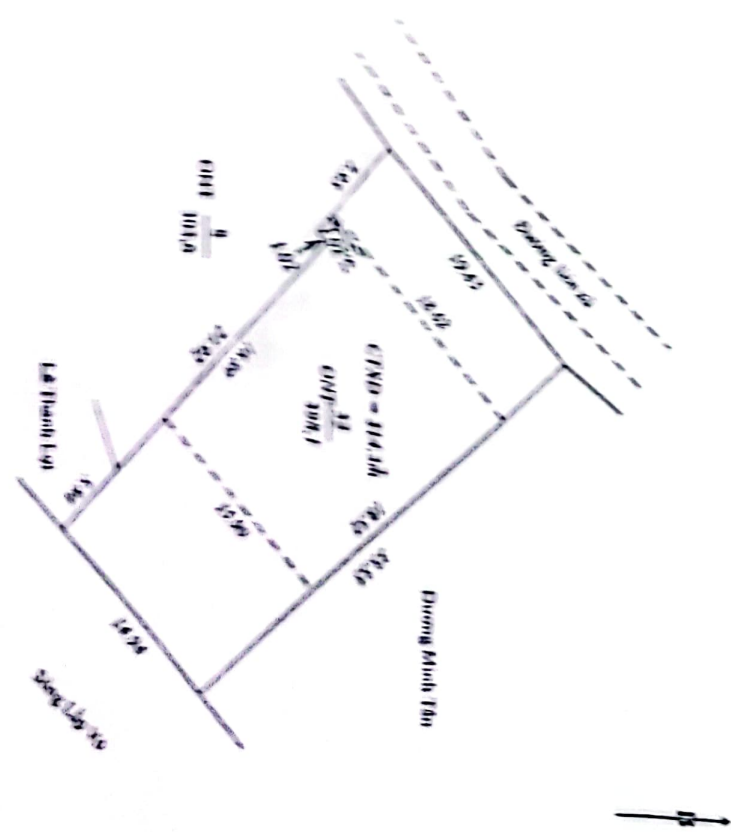
Địa chỉ thường trú: Ấp An Ninh, Xã Định An, Huyện Lập Vò, Tỉnh Đồng Tháp

III. Thước kẻ, chia ra 2 hai bên thước kẻ như hình vẽ đã cho

1. **Thước kẻ:**
- a) Thước kẻ số 1: ...
  - b) Thước kẻ số 2: ...
  - c) Thước kẻ số 3: ...
  - d) Thước kẻ số 4: ...
  - e) Thước kẻ số 5: ...
  - f) Thước kẻ số 6: ...
  - g) Thước kẻ số 7: ...
  - h) Thước kẻ số 8: ...
  - i) Thước kẻ số 9: ...
  - j) Thước kẻ số 10: ...
  - k) Thước kẻ số 11: ...
  - l) Thước kẻ số 12: ...
  - m) Thước kẻ số 13: ...
  - n) Thước kẻ số 14: ...
  - o) Thước kẻ số 15: ...
  - p) Thước kẻ số 16: ...
  - q) Thước kẻ số 17: ...
  - r) Thước kẻ số 18: ...
  - s) Thước kẻ số 19: ...
  - t) Thước kẻ số 20: ...

Loại thước kẻ	Đơn vị đo	Độ chính xác	Loại thước kẻ	Đơn vị đo	Độ chính xác
Thước kẻ số 1	cm	0,1 mm	Thước kẻ số 2	cm	0,1 mm
Thước kẻ số 2	cm	0,1 mm	Thước kẻ số 3	cm	0,1 mm
Thước kẻ số 3	cm	0,1 mm	Thước kẻ số 4	cm	0,1 mm
Thước kẻ số 4	cm	0,1 mm	Thước kẻ số 5	cm	0,1 mm
Thước kẻ số 5	cm	0,1 mm	Thước kẻ số 6	cm	0,1 mm
Thước kẻ số 6	cm	0,1 mm	Thước kẻ số 7	cm	0,1 mm
Thước kẻ số 7	cm	0,1 mm	Thước kẻ số 8	cm	0,1 mm
Thước kẻ số 8	cm	0,1 mm	Thước kẻ số 9	cm	0,1 mm
Thước kẻ số 9	cm	0,1 mm	Thước kẻ số 10	cm	0,1 mm
Thước kẻ số 10	cm	0,1 mm	Thước kẻ số 11	cm	0,1 mm
Thước kẻ số 11	cm	0,1 mm	Thước kẻ số 12	cm	0,1 mm
Thước kẻ số 12	cm	0,1 mm	Thước kẻ số 13	cm	0,1 mm
Thước kẻ số 13	cm	0,1 mm	Thước kẻ số 14	cm	0,1 mm
Thước kẻ số 14	cm	0,1 mm	Thước kẻ số 15	cm	0,1 mm
Thước kẻ số 15	cm	0,1 mm	Thước kẻ số 16	cm	0,1 mm
Thước kẻ số 16	cm	0,1 mm	Thước kẻ số 17	cm	0,1 mm
Thước kẻ số 17	cm	0,1 mm	Thước kẻ số 18	cm	0,1 mm
Thước kẻ số 18	cm	0,1 mm	Thước kẻ số 19	cm	0,1 mm
Thước kẻ số 19	cm	0,1 mm	Thước kẻ số 20	cm	0,1 mm

III. Hình vẽ thước kẻ, như ở vẽ tới sao khác gần như với đất



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
 VIỆN CÔNG NGHỆ VẬT LIU VÀ ĐIỆN TỬ  
 PHÒNG GIÁO DỤC



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận  
 Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Kết quả của cơ quan  
 có thẩm quyền